**Phụ lục**

**DANH MỤC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**“TRIỂN KHAI, ÁP DỤNG VÀ QUẢN LÝ HỆ THỐNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC” NĂM 2022**

**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN**

*(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /4/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận)*

| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị chủ trì** | **Đơn vị phối hợp** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tập huấn, đào tạo cho các tổ chức, cá nhân nâng cao nhận thức về áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa (*mã QR, vòng seal bảo vệ, điện toán đám mây, tem điện tử và hệ thống phần mềm nhận diện, Scan&Check…).* | Sở Khoa học và Công nghệ *(Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)* | - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Trung tâm Mã số Mã vạch quốc gia;  - Các Sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan. | 2022 |  |
| 2 | Biên soạn và ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm. | Sở Khoa học và Công nghệ *(Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)* | Trung tâm Mã số Mã vạch quốc gia | 2022 | Nghiên cứu, phối hợp với các đơn vị, tổ chức liên quan tư vấn xây dựng đề cương Sổ tay hướng dẫn thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm |
| 3 | Đào tạo chuyên gia quản lý cho các Sở, ban ngành có liên quan trong việc triển khai xây dựng, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. | Sở Khoa học và Công nghệ *(Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)* | - Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Công thương, Y tế;  - Trung tâm Mã số Mã vạch quốc gia. | 2022 | Kết hợp với lớp đào tạo, tập huấn cho các tổ chức, cá nhân nâng cao nhận thức về áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. |
| 4 | Xây dựng hệ thống quản lý thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh. | Sở Khoa học và Công nghệ *(Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)* | Trung tâm Mã số Mã vạch quốc gia; Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị liên quan | 2022 | Học tập, trao đổi kinh nghiệm, nghiên cứu tham mưu Xây dựng đề cương. |
| 5 | Xây dựng mô hình áp dụng gốc đối với một số sản phẩm đặc trưng, ưu tiên của địa phương. | Sở Khoa học và Công nghệ *(Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)* | - Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Công Thương, Y tế.  - Trung tâm Mã số Mã vạch quốc gia | 2022 | Học tập, trao đổi kinh nghiệm của các đơn vị về mô hình áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc. |
| 6 | Triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với một số doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu của tỉnh như: sản phẩm đặc thù của tỉnh, sản phẩm chương trình OCOP,… | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương và các ngành, địa phương, đơn vị liên quan | 2022 | Tuyển chọn, vận động các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu của tỉnh triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc. |
| 7 | Cập nhật dữ liệu, kiện toàn Cổng Thông tin truy xuất nguồn gốc của tỉnh; thực hiện quản lý, kết nối vào Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia. | Sở Khoa học và Công nghệ *(Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)* | Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương và đơn vị liên quan | 2022 | Thực hiện Cập nhật dữ liệu, kiện toàn Cổng Thông tin truy xuất nguồn gốc của tỉnh khi hệ thống truy xuất nguồn gốc được xây dựng và áp dụng. |
| 8 | Thực hiện thẩm định dữ liệu truy xuất nguồn gốc tại địa phương. | UBND huyện, thành phố | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương và đơn vị liên quan | 2022 | Thực hiện việc thẩm định khi hệ thống truy xuất nguồn gốc được xây dựng và áp dụng. |

**BIỂU CHI TIẾT**

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “TRIỂN KHAI, ÁP DỤNG VÀ QUẢN LÝ HỆ THỐNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC” NĂM 2022 TỪ NGUỒN**

**SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /4/2022 của UBND tỉnh)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá (đồng)** | **Thành tiền (đồng)** |
| **I** | **Tham dự tập huấn, trao đổi học tập kinh nghiệm lĩnh vực truy xuất nguồn gốc** |  |  |  | **45.600.000** |
| **1** | **Tham dự lớp tập huấn lĩnh vực truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá (Mã QR, vòng seal bảo vệ, tem điện tử và hệ thống phần mềm nhận diện, Scan&Check,...** | **Đợt** | **2** | **15.200.000** | **30.400.000** |
|  |  | **Đợt** | **1** |  | **15.200.000** |
| - | Tiền thuê xe | Ngày | 4 | 2.000.000 | 8.000.000 |
| - | Tiền phụ cấp công tác phí (03 người; 4 ngày) | Người x ngày | 12 | 200.000 | 2.400.000 |
| - | Tiền thuê phòng (02 phòng; 3 đêm) | Phòng x đêm | 6 | 800.000 | 4.800.000 |
| **2** | **Trao đổi, học tập kinh nghiệm lĩnh vực mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc** |  |  |  | **15.200.000** |
| **-** | Tiền thuê xe | Ngày | 4 | 2.000.000 | 8.000.000 |
| **-** | Tiền phụ cấp công tác phí (03 người, 04 ngày) | Người x ngày | 12 | 200.000 | 2.400.000 |
| **-** | Tiền thuê phòng (02 phòng, 03 đêm) | Phòng x đêm | 6 | 800.000 | 4.800.000 |
| **II** | **Tổ chức lớp đào tạo, tập huấn cho các tổ chức, cá nhân nâng cao nhận thức về áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa (Mã QR, vòng seal bảo vệ, điện toán đám mây, tem điện tử và hệ thống phần mềm nhận diện, Scan&Check,...)** |  |  |  | **65.450.000** |
| - | Hợp đồng thuê đơn vị đào tạo (đã bao gồm tiền vé máy bay khứ hồi Hà Nội - Cam Ranh và ngược lại; taxi đi lại từ Hà Nội - sân bay Nội bài và ngược lại; Taxi đi từ Sân bay Cam Ranh - Ninh thuận và ngược lại; lưu trú; công tác phí; thù lao đứng lớp; thù lao trợ giảng; chi phí biên soạn bài giảng; chi phí tài liệu; các chi phí các liên quan đến tổ chức thực hiện của đơn vị đào tạo) | Khóa | 1 | 58.000.000 | 58.000.000 |
| - | Nước uống cho học viên, giảng viên, trợ giảng và Ban tổ chức lớp học  (15.000 đồng/người/buổi x 55 người x 02 buổi) | Người x buổi | 110 | 15.000 | 1.650.000 |
| - | Trang trí hội trường (dọn hội trường, chuẩn bị font màn, hoa trang trí) | Lần | 1 | 1.000.000 | 1.000.000 |
| - | Hỗ trợ cho những người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước  (120.000 đồng/người/ngày x 40 người x 01 ngày) | Ngày x người | 40 | 120.000 | 4.800.000 |
| **TỔNG CỘNG(I + II)** | | | | | **111.050.000** |

***Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một trăm mười một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng.***

**\* Ghi chú:** Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ dự toán được giao và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định để thực hiện.